

ENGLISH 4

I. Viết dạng so sánh hơn của các tính từ sau

- | | | | |
|-----------|----------------------|----------|-------|
| 1. old | <i>older / elder</i> | 5. tall | _____ |
| 2. short | _____ | 6. thin | _____ |
| 3. strong | _____ | 7. thick | _____ |
| 4. young | _____ | 8. slim | _____ |

II. Sắp xếp từ tạo thành câu đúng

1. do What your does father Quan ? .

2. doctor My a father is .

3. worker factory in Hanh's brother a is a .

4. driver a My is uncle taxi .

5. farmer grandfather a a He is works on My farm . .
